

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC – Mã CK: PEC

Trụ sở chính: số 150 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, H.Gia Lâm, TP.Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 8271498

Fax: (024) 3 8271731

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên 2019

Tài liệu đính kèm gồm:

1. Báo cáo thường niên năm 2019

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực vào ngày 29/5/2020 tại website: www.pecvn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
H. GIA LÂM - TP. HÀ NỘI

Lê Minh Hải

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
Năm báo cáo: 2019

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101643744
- Vốn điều lệ: 31.154.090.000 đồng (Ba mươi một tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng)
- Địa chỉ: số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
- Số điện thoại: (024) 3 8271 498 - Số fax: (024) 3 8271 731 - Website: <http://www.pecvn.com>
- Mã cổ phiếu: PEC

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực được thành lập ngày 30/3/2005, là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Nhà máy Cơ khí Yên Viên trực thuộc Công ty Sản xuất Thiết bị điện (Tập đoàn Điện lực Việt Nam) với vốn điều lệ ban đầu 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng) và được tăng dần như sau: từ tháng 9/2009 là 24.300.000.000 đồng (Hai mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng), từ tháng 02/2015 là 27.215.330.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ, hai trăm mười lăm triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng), từ tháng 9/2016 là 29.391.520 nghìn đồng (Hai mươi chín tỷ, ba trăm chín mươi triệu, năm trăm hai mươi nghìn đồng), từ tháng 11/2017 là 31.154.090.000 đồng (Ba mươi một tỷ, một trăm năm mươi bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực được chính thức giao dịch trên sàn UPCoM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 06/10/2010.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất cột thép, xà thép mạ kẽm;
- Sản xuất kết cấu thép của nhà máy thủy điện, nhiệt điện
- Dịch vụ mạ kẽm;
- Sản xuất bu-lon móng, tiếp địa
- Sản xuất cơ khí khác
- Sửa chữa và xây lắp điện
- Kinh doanh vật tư, thiết bị.

2.2. Địa bàn kinh doanh:

Sản phẩm của Công ty được sản xuất tại các địa chỉ:

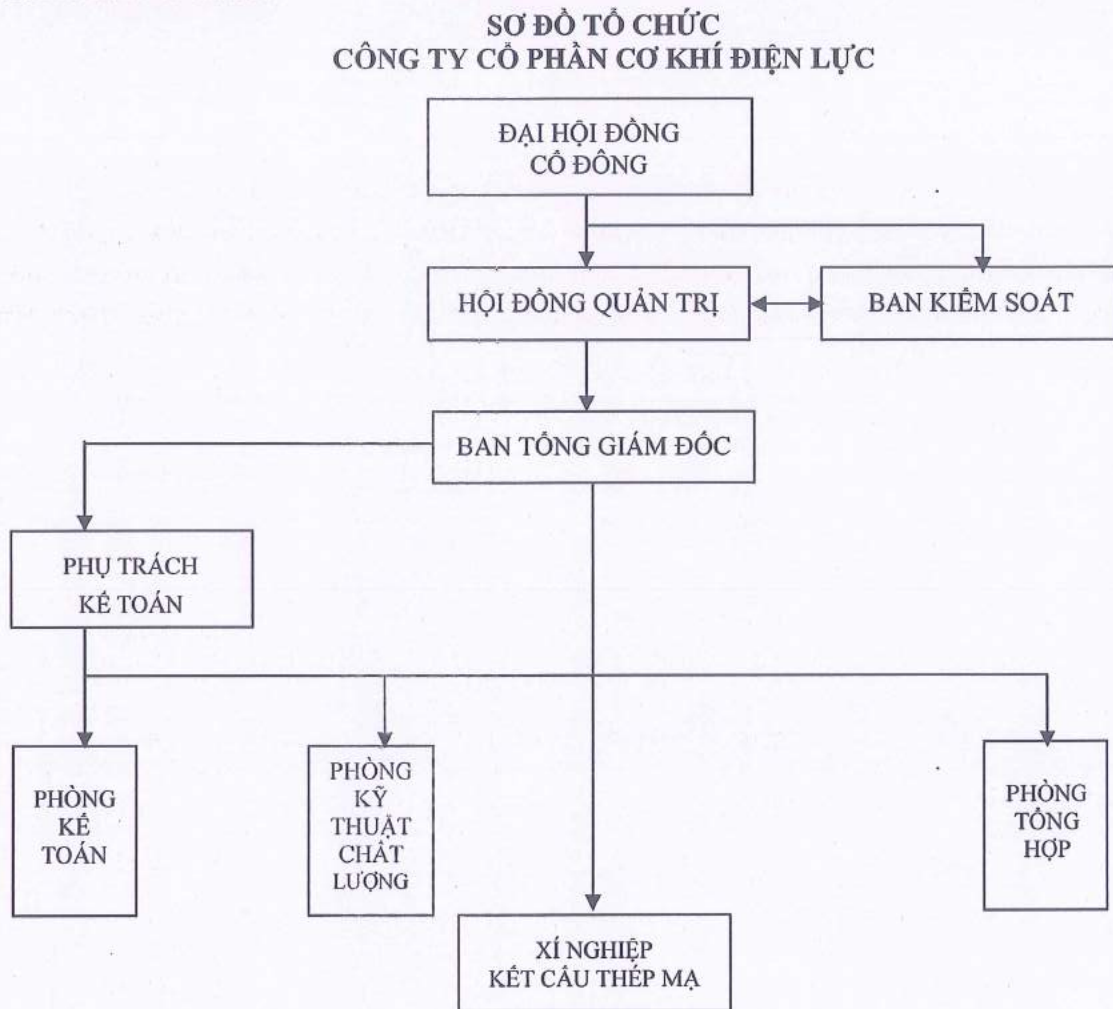
- Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
- Đường TS10 KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
- Cụm CN đường 20A xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (các công ty xây lắp, truyền tải điện, các ban quản lý dự án công trình điện, ...) và các đơn vị thực hiện đầu

tư xây dựng các dự án thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây và trạm, ... trên phạm vi cả nước. Ngoài ra, Công ty mở rộng thị trường, cung cấp các sản phẩm kết cấu thép cho các công trình giao thông, thủy lợi nhằm mục tiêu đa dạng hóa khách hàng phục vụ nền kinh tế quốc dân.

3. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình tổ chức:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Hội đồng quản trị:

Chủ tịch: Ông Lê Minh Hải
 Các thành viên: Ông Lê Đăng Thuận
 Bà Phạm Thu Hằng
 Ông Nguyễn Đức Bách
 Ông Nguyễn Doãn Bình

Ban kiểm soát:

Trưởng ban: Ông Hoàng Sơn Thọ
 Các thành viên: Bà Lê Thị Ngọc Thương
 Bà Phan Thị Thu Hằng

Ban điều hành:

Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Đức Bách
 Phó Tổng giám đốc: Ông Lê Đăng Thuận
 Ông Nguyễn Anh Minh
 Phụ Trách Kế toán : Bà Ngô Thị Huệ

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

(i) Công ty liên kết:

- Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG NGUỒN ĐIỆN
- Địa chỉ: Đường TS10 KCN Tiên Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: sản xuất kinh doanh kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện; sản xuất kinh doanh các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng, chế tạo cơ khí, lắp máy; sản xuất kinh doanh, sửa chữa, lắp đặt thiết bị điện, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp; xây dựng các công trình kỹ thuật công nghiệp, công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện; ...
- Vốn điều lệ thực góp: 7.200.000.000 đồng (Bảy tỷ hai trăm triệu đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 36%

(ii) Công ty liên kết:

- Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY LẮP ĐIỆN LỰC
- Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: xây lắp công trình kỹ thuật công nghiệp và dân dụng; lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác; xây dựng nhà các loại, hoàn thiện công trình xây dựng; ...
- Vốn điều lệ thực góp: 1.250.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 25%

(iii) Công ty liên kết:

- Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CHẾ TẠO THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NHẬT
 - Địa chỉ: Cụm CN đường 20A, xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương
 - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: sản xuất phụ kiện đường dây đến 500 kV
 - Vốn điều lệ: 85.832 tỷ VNĐ
 - Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 36%
- (Ghi chú: Đây là công ty liên doanh giữa PEC và Công ty TNHH Hệ thống điện Furukawa – Nhật bản, PEC góp vốn bằng tài sản gắn liền quyền sử dụng đất)

4. Định hướng phát triển:

4.1. Mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm bảo toàn và phát triển vốn, tạo lợi nhuận, giải quyết việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, chia cổ tức cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và duy trì sự phát triển ổn định, bền vững cho Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Tiếp tục duy trì sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống, đồng thời, tập trung nghiên cứu đầu tư phát triển sản xuất các sản phẩm cơ khí có giá trị gia tăng cao để đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế trong phạm vi cả nước và xuất khẩu.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững: Thực hiện triệt để các biện pháp bảo vệ môi trường, triển khai các hoạt động an sinh xã hội, tham gia đầy đủ các cuộc vận động quyên góp, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, thiên tai, ...

5. Các rủi ro: Hiện nay, trong điều kiện giá cả nguyên vật liệu chính (sắt thép, kẽm, dầu, hóa chất, ...) luôn biến động mạnh, mặt bằng lãi suất ngân hàng được điều chỉnh theo chiều hướng tăng và chính sách thả nổi tỷ giá, ... là những yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn do giá một số vật tư chính (thép, kẽm kim loại) biến động tăng mạnh; vốn phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty cũng rất khó khăn các ngân hàng cắt giảm hạn mức cho vay; tình trạng thiếu hụt lực lượng lao động trực tiếp sản xuất tiếp tục diễn ra, công tác tuyển dụng chưa đáp ứng yêu cầu nhân lực phục vụ cho sản xuất; một số máy, thiết bị đã cũ, lạc hậu gây khó khăn trong việc bảo đảm chất lượng sản phẩm và tăng năng suất lao động; ... Các yếu tố trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận năm 2019 của Công ty.

Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018 (triệu đồng)	Kế hoạch năm 2019 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2019 (triệu đồng)	Tỷ lệ so với KH (%)
1	Tổng doanh thu	224.717	246.689	170.826	69%
2	Lợi nhuận trước thuế	655	1.782	1.376	77,22%
3	Tỷ lệ trả cổ tức	6%	8%	3%	37%

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi ở hiện nay	Trình độ c.môn	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Nguyễn Đức Bách	1979	Gia Lâm, Hà Nội	Gia Lâm, Hà Nội	KS Kinh tế XD	Tổng Giám đốc	4,53%
2	Lê Đăng Thuận	1966	Quỳnh Lưu, Nghệ An	Nam Từ Liêm, HN	KS Hóa, KS QTDN	Phó TGĐ, Giám đốc XN KCT Mạ	1,22%
3	Phạm Thu Hằng	1963	Gia Lâm, Hà Nội	Gia Lâm, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Phó Tổng giám đốc	0,66%
4	Nguyễn Anh Minh	1970	Gia Lâm, Hà Nội	Gia Lâm, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Phó Tổng giám đốc	0
5	Ngô Thị Huệ	1981	Gia Lâm, Hà Nội	Gia Lâm, Hà Nội	Cử nhân QTKD	Phụ trách Kế toán	0
6	Cáp Đức Vượng	1981	Ấn Thi, Hưng yên	Thanh Trì, Hà Nội	KS Công nghệ CTM	Trưởng phòng SX-KD	0
7	Nguyễn Sỹ Anh	1969	TP.Vinh, Nghệ An	Cầu Giấy, Hà Nội	KS Cơ khí CTM	Trưởng phòng KT-CL	0
8	Nguyễn Nghiêêm Đức	1980	Hoài Đức, Hà Nội	Ba Đình, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Trưởng phòng VT-XNK	0,04%
9	Đỗ Hồng Quân	1974	Yên Lạc, Vĩnh Phúc	Gia Lâm, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Trưởng phòng TC-HC	0,28%

2.2. Người lao động: Tổng số lao động của Công ty tính đến 31/12/2019 là 110 người. Người lao động của Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật lao động. Công ty trả lương cho người lao động theo Quy chế trả lương của Công ty thông qua các hình thức trả lương theo vị trí (đối với lao động gián tiếp) và trả lương khoán sản phẩm (đối với lao động trực tiếp sản xuất).

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

a) Công tác đầu tư xây dựng: Trong năm không có dự án đầu tư xây dựng nào

b) Đầu tư tài chính, góp vốn vào doanh nghiệp khác:

(i) Đầu tư tài chính: Không

(ii) Góp vốn vào doanh nghiệp khác:

- Vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng nguồn điện (từ tháng 12/2018 đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần Cơ khí và Xây dựng nguồn điện) đã được giảm từ 100% xuống còn 36% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 7,2 tỷ đồng.
- Vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần Thương mại và Xây lắp điện lực là 25% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 1,25 tỷ đồng.
- Vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật (VJPS) là 30.899,52 triệu đồng tương ứng 36% vốn điều lệ

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018 (1000 đồng)	Năm 2019 (1000 đồng)	% tăng (+) giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	224.151.726	247.912.428	+10,6%
2	Doanh thu thuần	195.632.046	170.826.080	-12,68%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	868.566	114.799	-86,78%
4	Lợi nhuận khác	-213.035	1.261.282	492,05%
5	Lợi nhuận trước thuế	655.531	1.376.082	+109,91%
6	Lợi nhuận sau thuế	331.082	1.068.298	+222,67%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1	<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	1,01	1,24	
	- Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,467	0,51	
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu</i>			
	- Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,803	0,739	
	- Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	4,068	2,833	
3	<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
	- Vòng quay hàng tồn kho:			
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ	1,555	1,249	
	Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,695	0,689	
4	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
	- Hệ số LN sau thuế/D.thu thuần	0,00147	0,006	
	- Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH	0,00519	0,017	
	- Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,00102	0,004	
	- Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,00387	0,001	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) **Cổ phần:** Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty là 3.115.409 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Toàn bộ cổ phần là cổ phần phổ thông, chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Ghi chú
I	Phân loại theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu			
A	Cổ đông lớn	1.940.796	62,30%	
1	<i>Lê Minh Hải</i>	1.130.780	36,30%	
2	<i>Nguyễn Xuân Quang</i>	186.934	6,00%	
3	<i>Nguyễn Doãn Bình</i>	623.082	20,00%	
B	Các cổ đông khác	794.878	25,51%	
II	Phân loại cổ đông là tổ chức, cá nhân			
1	Cổ đông là tổ chức	81	0,0026%	
2	Cổ đông là cá nhân	3.115.328	99,997%	
III	Phân loại cổ đông trong nước, nước ngoài			
1	Cổ đông trong nước	3.115.409	100%	
2	Cổ đông nước ngoài	0		
IV	Phân loại cổ đông nhà nước, cổ đông khác			
1	Cổ đông nhà nước	0		
2	Cổ đông khác	3.115.409	100%	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**6.1 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm trong năm:

- Sắt thép: 2.000 tấn
- Kẽm kim loại: 350 tấn
- Hóa chất các loại: 110 tấn

b) Tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm: không

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: điện, dầu FO, khí hóa lỏng (gas, O₂, CO₂)

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng, kết quả của sáng kiến: không

6.3 Tiêu thụ năng lượng nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: giếng khoan và hệ thống nước sạch của Tp.Hà Nội
- Lượng nước sử dụng: Bình quân 15 -:- 20 m³/ngày-đêm

b) Tỷ lệ và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Tổng số lao động (đến 31/12/2019): 110 người

Thu nhập bình quân: 7.300.000 đồng/người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định, được hưởng các chế độ ốm đau, thai sản, DS-PHSK; được huấn luyện và cấp chứng nhận về AT-VSLĐ; ...

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Nội dung đào tạo: huấn luyện AT-VSLĐ, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ
- Hình thức đào tạo: Công ty phối hợp với cơ sở đào tạo chuyên ngành để tổ chức các lớp huấn luyện AT-VSLĐ; cử cán bộ, nhân viên tham dự các khóa tập huấn CMNV bên ngoài.

6.6 Trách nhiệm liên quan đến cộng đồng địa phương: Công ty đã xây dựng và triển khai thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và công tác quân sự, an ninh trên địa bàn huyện Gia Lâm; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo và giúp đỡ các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lụt

6.7 Hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty đã triển khai thực hiện hưởng ứng Kế hoạch phát triển tăng trưởng xanh của UBCK và Bộ Tài chính, qua đó vừa duy trì hoạt động SXKD có hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo môi trường xã hội được an toàn và ổn định; hoạt động SXKD của Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh:

* Những thuận lợi và khó khăn đối với hoạt động SXKD:

- Công ty có nhiều đối tác là khách hàng truyền thống, tin tưởng và gắn bó lâu dài với Công ty trong việc chế tạo KCT thủy công, mạ kẽm nóng và chế tạo cột thép mạ kẽm.
- Được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của chủ tịch HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty, sự hỗ trợ, hợp tác của các đơn vị, Công ty đã ký được một số hợp đồng quan trọng từ đó đã phần nào ổn định được việc làm, từng bước vượt qua khó khăn để duy trì sản xuất kinh doanh và phát triển. Bên cạnh đó, Công ty có đội ngũ nhân sự làm việc lâu năm, gắn bó với Công ty và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ công tác.
- Năm 2019, nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty rất hạn hẹp, trong khi đó lãi vay ngân hàng cao, hạn mức bị thu hẹp ảnh hưởng rất lớn đến quá trình cung cấp vật tư phục vụ sản xuất.
- Lao động trực tiếp liên tục giảm mạnh dẫn đến thiếu người làm trong khi công việc thì có.
- Máy móc thiết bị lạc hậu, hay xảy ra hỏng hóc do quá trình làm nhiều mà không được bảo dưỡng kịp thời. Không trang bị thêm máy móc để phục vụ sản xuất.
- Dây truyền chế tạo tấm sàn đầu tư không hiệu quả, không đủ chi phí nuôi bộ máy.
- Mức lương của người lao động Công ty còn khá thấp so với nhu cầu tiêu dùng tối thiểu trên thị trường hiện nay cũng gây ảnh hưởng đến tâm lý làm việc của người lao động.

* **Kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019:**

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kết quả thực hiện năm 2019	Tỷ lệ thực hiện/KH
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	235.689	170.826	73,00%
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	212.120	154.996	73,06%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.782	1.376	77,22%
4	Thu nhập bình quân của 1 người lao động/tháng	Triệu đồng	7,500	7,300	97,3%

* **Phân tích kết quả hoạt động SX-KD năm 2019:**

- Công ty đã thực hiện giá trị tổng doanh thu đạt 73,00% so với kế hoạch đề ra. Năm 2019 việc cung cấp cột thép mạ kẽm bị hạn chế nhiều do giá đầu thầu rất thấp, Công ty đã không tham gia một số dự án lớn, mà dựa nhiều vào các mối quan hệ khách hàng trước đây về xây lắp để ký các hợp đồng cung cấp cột thép có giá trị nhỏ từ vài chục tấn đến vài trăm tấn.

- Công tác mạ kẽm nhúng nóng: Trong năm 2019, công tác mạ kẽm nhúng nóng gặp nhiều khó khăn do khu vực Bắc Ninh và Hải Dương xuất hiện thêm 02 lò mạ có kích thước tương đương và lớn hơn kích thước lò mạ của Công ty, bên cạnh đó giá kẽm đầu vào vẫn ở mức cao, giá bán sản phẩm không tăng dẫn đến sản lượng mạ giảm và hiệu quả kinh doanh không cao. Cụ thể, khách hàng Công ty cổ phần điện chiếu sáng là khách hàng lâu năm của Công ty cũng chuyển qua đó mạ do họ mới thành lập lên giá chào thấp hơn Công ty, khách hàng Tấn Phát cũng san sẻ khối lượng mạ giữa Các đơn vị để duy trì mối quan hệ.

- Công tác cơ khí thủy công: Công tác cơ khí thủy công vẫn duy trì tốt, chất lượng và tiến độ vẫn được đảm bảo. Đặc biệt khâu thanh toán đã thực hiện kịp thời giúp Công ty hoàn thiện thu hồi vốn nhanh hơn các dự án trước đây. Công ty đã cung cấp cơ khí thủy công cho Thủy điện Thành Sơn – Thanh Hóa, thủy điện Nậm Cùn – Lào Cai, thủy điện Sông Lô 8A, thủy điện Mường Kim.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên chỉ tiêu	Số dư tại 31/12/19	Số dư tại 01/01/19	Chênh lệch (cuối năm – đầu năm)	Độ biến thiên (%)	Tỷ lệ so với tổng tài sản năm 2019
I	Tài sản ngắn hạn	209.939,75	233.491,80	(23.552,05)	-10,08%	89,91%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	194,26	833,90	(639,64)	-82,23%	0,26%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn		-			
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	81.026,02	106.838,09	(25.812,07)	-24,16%	-75,84%
3.1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	63.702,91	97.672,84	(33.969,93)	-34,78%	25,70%
3.2	Trả trước cho người bán	18.044,78	18.716,73	(671,95)	-3,59%	7,28%
3.3	Phải thu ngắn hạn khác	404,85	409,58	(4,73)	-1,15%	0,16%
3.4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.126,51)	(9.961,06)	(8.834,55)	-88,69%	-0,45%
4	Tài sản ngắn hạn khác	1.642,96	0	1.642,96	100,00%	0,66%
5	Hàng tồn kho	124.076,50	125.814,80	(1.738,30)	-1,38%	50,05%
II	Tài sản dài hạn	37.972,67	88.906,06	(50.933,39)	-57,29%	15,32%
1	Các khoản phải thu dài hạn	4.520,27	6.093,48	(1.573,21)	-25,82%	1,82%
2	Tài sản cố định	1.377,69	36.610,85	(35.233,16)	-96,24%	0,56%
3	Tài sản dở dang dài hạn		-			
4	Đầu tư tài chính dài hạn	32.059,30	46.087,87	(14.028,57)	-30,44%	12,93%
5	Tài sản dài hạn khác	15,42	113,85	(98,43)	-86,46%	0,01%
III	Tổng tài sản	247.912,43	322.397,86	(74.485,43)	-23,10%	100,00%

Tại thời điểm 31/12/2019 tổng tài sản cuối năm giảm 74.485,43 triệu đồng (giảm 23,10%) so với đầu năm. Tài sản ngắn hạn cuối năm giảm 50.933,39 triệu đồng (giảm 57,29%) so với đầu năm và chiếm tỷ trọng so với tổng tài sản là 15,32%. Biến động này chủ yếu do hầu hết các chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn đều giảm, cụ thể:

- Tiền và các khoản tương đương tiền ngắn hạn cuối năm giảm 639,64 triệu đồng (giảm 82,23% so với đầu năm);

Trong cơ cấu của các mục tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản thì mục phải thu khách hàng có giá trị cao nhất: tại thời điểm 31/12/2019 là 81,026 tỷ đồng gấp 1,25 lần vốn chủ sở hữu. Với đặc thù của các khoản phải thu khách hàng thì tính thanh khoản của nó còn phụ thuộc vào yếu tố khách quan có tính chi phối lớn đó là nguồn tiền thanh toán của khách hàng. Tuy nhiên, so với đầu năm 2018, tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng đã giảm tương đối mạnh, điều này cho thấy trong năm Công ty đã có các biện pháp tích cực để thu hồi các khoản công nợ.

Ngoài ra, hàng tồn kho của Công ty cũng đang chiếm tỷ trọng lớn – theo số liệu của Báo cáo tài chính tại 31/12/2019 là 59,10% so với tài sản ngắn hạn và 50,05% so với tổng tài sản. Nguyên nhân là do các công trình đang thực hiện dở dang hoặc các công trình đã hoàn thành nhưng chưa ký được nghiệm thu, quyết toán để xuất hóa đơn.

b) Tình hình nợ phải trả:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên chỉ tiêu	Số dư tại 31/12/19 (triệu đồng)	Số dư tại 01/01/19 (triệu đồng)	Chênh lệch (triệu đồng)	Độ biến thiên (%)	Tỷ lệ so với tổng nguồn vốn năm 2019
I	Nợ phải trả	183.230,65	258.784,38	(75.553,73)	-29,20%	73,91%
1	Phải trả người bán ngắn hạn	48.357,73	44.657,22	3.700,51	8,29%	19,51%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.205,73	30.844,07	(20.638,34)	-66,91%	4,12%
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	8.974,73	2.360,22	6.614,51	280,25%	3,62%
4	Phải trả người lao động	881,18	1.508,38	(627,20)	-41,58%	0,36%
5	CP phải trả ngắn hạn khác	183,32	757,19	(573,87)	-75,79%	0,07%
6	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXL	0	0	0	0	0
7	Phải trả ngắn hạn khác	3.455,10	2.403,17	1.051,93	43,77%	1,39%
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	93.473,29	144.747,46	(51.247,17)	-35,42%	37,70%
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.214,78	3.209,78	5,00	0,16%	1,30%
10	Phải trả người bán dài hạn	11.783,09	12.256,40	(473,31)	-3,86%	4,75%
11	Người mua trả tiền trước dài hạn	2.201,69	8.050,50	(5.848,81)	-72,65%	0,89%
12	Phải trả dài hạn khác		-			
13	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	500,00	7.990,00	(7.490,00)	-93,74%	0,20%
II	Vốn chủ sở hữu	64.681,77	63.613,47	1.068,30	1,68%	26,09%
1	Vốn góp của chủ sở hữu	31.154,09	31.154,09	0	0	12,57%
2	Thặng dư vốn cổ phần					
3	Vốn khác của chủ sở hữu	8.036,26	8.036,26	0	0	3,24%
4	Quỹ đầu tư phát triển	17.976,23	17.976,23	0	0	7,25%
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
6	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.515,19	6.646,89	868,30	13,06%	3,03%
III	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-			
IV	Tổng nguồn vốn	247.912,43	322.397,86	(74.485,43)	-23,10%	100%

Tại thời điểm 31/12/2019 tổng nguồn vốn cuối năm giảm 74.485,43 triệu đồng (giảm 23,10%) so với đầu năm. Nợ phải trả cuối năm giảm 75.553,73 triệu đồng (giảm 29,20%) so với đầu năm và chiếm tỷ trọng so với tổng nguồn vốn là 73,91%.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm công ty đã thực hiện điều động, giao nhiệm vụ cho CBQL của các đơn vị (phòng, ban, xí nghiệp và nhà máy) để đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tiếp tục duy trì khai thác sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống của Công ty (cột thép, xà thép mạ kẽm, thiết bị kết cấu thép thủy công, kết cấu thép nhà máy nhiệt điện, sản phẩm mạ kẽm nhúng nóng và các sản phẩm kết cấu thép phi tiêu chuẩn khác)

- Sắp xếp lại các dây chuyền sản xuất nhằm sử dụng hiệu quả công suất của các máy, thiết bị trong dây chuyền, tăng năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Tăng cường công tác quản lý, tinh giản bộ máy, đào tạo lại người lao động để nâng cao hiệu quả SXKD.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2019, trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt là đối với sản phẩm cột thép, xà thép mạ kẽm và thép mạnh của Công ty là sản xuất các thiết bị, kết cấu thép thủy công không được phát huy hết công suất do các nhà máy thủy điện đang trong giai đoạn cuối, không có các dự án lớn nên công tác tìm kiếm việc làm ngày càng khó khăn.

Do vậy, Công ty cần tập trung định hướng phát triển sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao mà Công ty có thế mạnh, kết hợp với việc hợp lý hóa quá trình tổ chức sản xuất để nâng cao năng suất lao động, coi trọng công tác đào tạo, thu hút lao động là công nhân có tay nghề cao, cán bộ quản lý giỏi.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2019, Ban Tổng giám đốc đã có dự chi đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc cần năng động hơn trong việc tìm kiếm các hợp đồng, đảm bảo việc làm cho người lao động; đồng thời, tập trung nghiên cứu sản phẩm mới và tiết giảm chi phí quản lý để tạo sự phát triển ổn định cho Công ty; đảm bảo cổ tức cho cổ đông và nâng cao thu nhập cho người lao động.

3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT:

HĐQT tập trung chỉ đạo công tác điều hành theo hướng tiếp tục duy trì và phát triển các lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm truyền thống; đồng thời, tập trung nghiên cứu đầu tư sản xuất các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường, tạo việc làm ổn định cho người lao động và đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị (HĐQT):

a) Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

TT	Họ và tên	Chức vụ	CP sử hữu (tại 05/5/2020)	Ghi chú
1	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	1.130.780	
2	Lê Đăng Thuận	TV HĐQT	38.037	
3	Phạm Thu Hằng	TV HĐQT	20.744	
4	Nguyễn Đức Bách	TV HĐQT	141.272	
5	Nguyễn Doãn Bình	TV HĐQT	623.082	

b) Các tiểu ban thuộc HĐQT: không có

c) Hoạt động của HĐQT:

- Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp và 03 lần lấy ý kiến biểu quyết các thành viên Hội đồng quản trị, qua đó đã ban hành 18 nghị quyết và quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty và các đơn vị thành viên, cụ thể: 15 nghị quyết và quyết định về bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, cử người đại diện liên quan đến các cán bộ quản lý của Công ty và các đơn vị thành viên; 03 nghị quyết và quyết định liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đơn vị thành viên;

- HĐQT đã phân công các thành viên tổ chức triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2018, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý hoạt động điều hành hoạt động SXKD;

- HĐQT thường xuyên thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong điều hành hoạt động SXKD của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT chỉ đạo Tổng Giám đốc đều phù hợp với phạm vi quyền và nhiệm vụ của HĐQT được quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật;

d) Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: không

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

2. Ban Kiểm soát (BKS):

a) Thành viên và cơ cấu của BKS:

TT	Họ và tên	Chức vụ	CP sử hữu (tại 05/5/2020)	Ghi chú
1	Hoàng Sơn Thọ	Trưởng BKS	0	
2	Lê Thị Ngọc Thương	TV BKS	0	
3	Phan Thị Thu Hằng	TV BKS	0	

b) Hoạt động của BKS:

Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của Công ty trên các mặt hoạt động đối với HĐQT, Ban TGD và các cấp quản lý khác trong Công ty. Trong đó, BKS đã chú trọng thực hiện công tác kiểm tra sổ liệu kế toán và phối hợp với đơn vị kiểm toán trong quá trình soát xét Báo cáo tài chính của Công ty nhằm đảm bảo sổ liệu trong Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, khách quan, cân trọng, phù hợp với các quy định của chế độ kế toán hiện hành và trên nguyên tắc bảo vệ tối đa quyền lợi của cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, BKS:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của các thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)	Ghi chú
I	Thù lao HĐQT			
1	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	25.200.000	
2	Lê Đăng Thuận	TV HĐQT	25.200.000	
3	Phạm Thu Hằng	TV HĐQT	25.200.000	
4	Nguyễn Đức Bách	TV HĐQT	25.200.000	
5	Nguyễn Doãn Bình	TV HĐQT	25.200.000	
II	Thù lao BKS			
1	Hoàng Sơn Thọ	Trưởng BKS		Hưởng lương chuyên trách
2	Lê Thị Ngọc Thương	TV BKS	16.800.000	
3	Phan Thị Thu Hằng	TV BKS	16.800.000	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

TT	Họ và tên cổ đông nội bộ	Số CP giao dịch trong năm 2019		Ghi chú
		Tăng	Giảm	
1	Lê Minh Hải		1.002.817	CTHĐQT

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán: theo Báo cáo kiểm toán số 2404.01/2020/NVT2-BCKT ngày 15/5/2020 của Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt, cụ thể như sau:

Số : /2020/NVT2-BCTC
Ngày : 15 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **Về Báo cáo tài chính năm 2019**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực, được lập ngày 15 tháng 05 năm 2020 từ trang 07 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 được kiểm toán: (Theo Phụ lục đính kèm)

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu VT, TKCT.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Lê Minh Hải

PHỤ LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Của CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 – 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 – 39
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>7 – 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2019</i>	<i>12 – 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2019</i>	<i>14 – 39</i>

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban lãnh đạo Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực được thành lập theo quyết định số 111/2004/QĐ-BCN ngày 13/10/2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển nhà máy cơ khí Yên Viên thuộc Công ty sản xuất Thiết bị Điện thành Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0101643744 ngày 30 tháng 03 năm 2005 do sơ kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp 11 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi về việc thay đổi vốn, cơ cấu vốn điều lệ của cổ đông sáng lập, bổ sung ngành nghề kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 0101643744 được phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 02 năm 2019 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11: 31.154.090.000 VND

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 8171498
Email : ckdl@vnn.vn
Mã số thuế : 0 1 0 1 6 4 3 7 4 4

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 39).

Các sự kiện sau ngày khóa số kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Lê Đăng Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Bách	Ủy viên
Bà Phạm Thu Hằng	Ủy viên
Ông Nguyễn Doãn Bình	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Vũ Trọng Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Ông Hoàng Sơn Thọ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2019
Bà Lê Thị Ngọc Thương	Thành viên	
Bà Phan Thị Thu Hằng	Thành viên	

Ban Tổng Giám Đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Bách	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Thuận	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Xác nhận của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày BCTC trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày BCTC.

Ban lãnh đạo đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

Ban lãnh đạo Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Cam kết khác

Ban lãnh đạo cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2020

Thay mặt Ban lãnh đạo

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị



Lê Minh Hải

Số : 2404.01/2020/NVT2-BCTC
Ngày : 15 tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **Về Báo cáo tài chính năm 2019**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực, được lập ngày 15 tháng 05 năm 2020 từ trang 07 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban lãnh đạo

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lực chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Các kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán có dạng “ý kiến kiểm toán ngoại trừ” vì các vấn đề sau:

(1): Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn Điện.

(2): Công ty chưa thực hiện trích khấu hao các TSCĐ hữu hình chờ thanh lý. Tổng chi phí khấu hao trong năm của các TSCĐ này là 5.456.747.880 VND.

Các vấn đề trên đã được khắc phục trên Báo cáo tài chính năm 2019 như sau:

(1) Tại ngày 31/12/2019, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn Điện, với giá trị trích lập dự phòng là 7.200.000.000 VND.

(2) Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng đất và tài sản trên đất tại xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Một số máy móc, thiết bị còn lại công ty đã tiến hành các thủ tục tái nhập kho chờ đưa vào sử dụng.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính của chúng tôi đã nêu trên đây.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2018-124-1

Vũ Thị Thiết

GCNĐKHNTK số: 3980-2017-124-1

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209.939.753.957	233.491.801.706
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	194.264.595	838.900.577
1. Tiền	111		194.264.595	838.900.577
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	3.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.026.029.962	106.838.094.482
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	63.702.911.252	97.672.847.858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.044.778.310	18.716.734.991
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	404.853.369	409.575.340
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.126.512.969)	(9.961.063.707)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		124.076.504.097	125.814.806.647
1. Hàng tồn kho	141	V.6	124.076.504.097	125.814.806.647
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.642.955.303	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.642.955.303	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.972.674.288	88.906.055.001
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.520.269.301	6.093.484.301
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	4.520.269.301	6.093.484.301
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.377.688.559	36.610.849.741
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.377.688.559	23.931.697.825
<i>Nguyên giá</i>	222		35.451.097.348	73.987.224.156
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(34.073.408.789)	(50.055.526.331)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	12.679.151.916
<i>Nguyên giá</i>	228		225.742.000	14.225.742.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(225.742.000)	(1.546.590.084)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	32.059.298.052	46.087.870.235
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		38.099.520.000	39.349.520.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.250.000.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.290.221.948)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	6.738.350.235
VI. Tài sản dài hạn khác	260		15.418.376	113.850.724
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		15.418.376	113.850.724
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		247.912.428.245	322.397.856.707

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		183.230.653.776	258.784.381.161
I. Nợ ngắn hạn	310		168.745.877.018	230.487.483.461
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9a	48.357.728.786	44.657.220.217
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10a	10.205.734.579	30.844.069.693
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	8.974.730.676	2.360.223.545
4. Phải trả người lao động	314		881.184.627	1.508.377.978
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	183.322.878	757.188.395
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	3.455.107.844	2.403.168.944
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	93.473.288.177	144.747.455.238
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.214.779.451	3.209.779.451
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		14.484.776.758	28.296.897.700
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.9b	11.783.090.758	12.256.401.945
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.10b	2.201.686.000	8.050.495.755
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	500.000.000	7.990.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.681.774.469	63.613.475.546
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	64.681.774.469	63.613.475.546
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.154.090.000	31.154.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.154.090.000	31.154.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.036.263.497	8.036.263.497
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.976.229.844	17.976.229.844
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.515.191.128	6.446.892.205
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.446.892.205	6.116.809.402
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.068.298.923	330.082.803
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		247.912.428.245	322.397.856.707

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Ngô Thị Huệ

Ngô Thị Huệ



Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	170.826.080.024	224.151.726.242
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		170.826.080.024	224.151.726.242
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	154.996.426.260	195.632.046.946
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		15.829.653.764	28.519.679.296
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	289.634.212	471.801.772
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.867.901.206	16.835.913.024
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8.537.097.198	12.699.600.021
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	207.211.400	663.198.100
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	(70.624.431)	10.623.802.963
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		114.799.801	868.566.981
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.680.361.041	94.302.198
12. Chi phí khác	32	VI.8	5.419.078.362	307.337.424
13. Lợi nhuận khác	40		1.261.282.679	(213.035.226)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.376.082.480	655.531.755
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	307.783.557	325.448.952
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.068.298.923</u>	<u>330.082.803</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>343</u>	<u>106</u>

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị

Ngô Thị Huệ

Ngô Thị Huệ



Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.376.082.480	655.531.755
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	780.607.548	821.975.121
- Các khoản dự phòng	03	(1.544.328.790)	(1.122.013.045)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	26.968.209
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.916.132.054)	3.572.218.120
- Chi phí lãi vay	06	8.537.097.198	12.699.600.021
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.233.326.382	16.654.280.181
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	42.480.347.682	(6.154.980.383)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.738.302.550	(26.838.231.196)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(19.045.847.402)	18.031.929.747
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.006.447.482	282.221.475
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.110.962.715)	(12.357.030.427)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(236.482.962)	(983.406.743)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.070.131.017	(11.365.217.346)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(300.000.000)	(2.402.913.049)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	33.441.915.615	6.220.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.113.776.843)	(304.744.046)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.852.127.078	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	8.960.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	169.134.212	267.781.880
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	37.049.400.062	12.740.624.785

Công Ty CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh			
		Năm nay	Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	140.912.098.252	233.259.895.548	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(199.676.265.313)	(235.917.407.575)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(58.764.167.061)</i>	<i>(2.657.512.027)</i>	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(644.635.982)	(1.282.104.588)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	838.900.577	2.147.973.374
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(26.968.209)	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	194.264.595	838.900.577

Người lập biểu

Ngô Thị Huệ

Phụ trách kế toán

Ngô Thị Huệ

Lập, ngày 15 tháng 05 năm 2020

Chủ tịch Hội đồng Quản Trị

Lê Minh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Sản xuất, mua bán các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình, cột điện bằng thép mạ kẽm có cấp điện áp đến 500KV, kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và kim loại màu;
 - Sản xuất thiết bị phân phối điện (phụ kiện đường dây và trạm cao, trung hạ thế);
 - Xây dựng công trình công nghiệp;
 - Xuất nhập khẩu những mặt hàng mà Công ty kinh doanh;
 - Sửa chữa thiết bị, xây lắp các công trình nhà máy nhiệt điện, thủy điện;
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2018.
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các Công ty liên doanh liên kết:

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực	Số 150 Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Xây lắp, lắp đặt và hoàn thiện công trình	14%	14%
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật	Xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giàng, Tỉnh Hải Dương	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	36%	36%
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện	Đường TS10, Khu công nghiệp Tiên Sơn, Xã Nội Duê, Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sửa chữa máy móc, thiết bị, sản xuất các thiết bị đóng mở cửa bằng điện, sạc acquy, chuông điện, còi báo động, dây cáp kim loại cơ bản	36%	36%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

i. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.
Giá trị các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán phải đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi;

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn).

ii. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

+ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);

+ Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê, Bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 49
Máy móc và thiết bị	03 – 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	25.944.400	88.316.800
Tiền gửi ngân hàng	168.320.195	750.583.777
Cộng	<u>194.264.595</u>	<u>838.900.577</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
Cộng	<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	38.099.520.000	(7.200.000.000)	30.899.520.000	39.349.520.000	-	39.349.520.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực (1)	-	-	-	1.250.000.000	-	1.250.000.000
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật (2)	30.899.520.000	-	30.899.520.000	30.899.520.000	-	30.899.520.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện (3)	7.200.000.000	(7.200.000.000)	-	7.200.000.000	-	7.200.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.250.000.000	(90.221.948)	1.159.778.052	-	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực (1)	1.250.000.000	(90.221.948)	1.159.778.052	-	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	-	-	-	6.738.350.235	-	6.738.350.235
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	6.738.350.235	-	6.738.350.235
Cộng	<u>39.349.520.000</u>	<u>(7.290.221.948)</u>	<u>32.059.298.052</u>	<u>46.087.870.235</u>	<u>-</u>	<u>46.087.870.235</u>

(1) Là Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102277988, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 7 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong năm 2019 Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực đã tăng vốn lên 9.000.000.000 dẫn đến tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Cơ khí điện lực giảm từ 25% xuống còn 14% và được phân loại sang Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(2) Là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chế tạo thiết bị điện và Thương mại Việt Nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0801147808, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 3 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã góp đủ số vốn góp 30.899.520.000 VND chiếm 36% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị Điện và Thương mại Việt Nhật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 số lỗ lũy kế của Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị Điện và Thương mại Việt Nhật khoảng 52,8 tỷ tuy nhiên đơn vị không thực hiện trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết đối với khoản tổn thất này do ngày 23 tháng 12 năm 2019 Công ty Furukawa Electric Power Systems Co.,LTD (Công ty mẹ của Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị Điện và Thương mại Việt Nhật) đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của mình tại Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị Điện và Thương mại Việt Nhật cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tân Phát. Theo đó, sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng Công ty Furukawa Electric Power Systems Co.,LTD sẽ xóa bỏ toàn bộ khoản phải thu về cho vay của Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị Điện và Thương mại Việt Nhật. Như vậy tại thời điểm hoàn tất chuyển nhượng Công ty TNHH Chế tạo Thiết bị Điện và Thương mại Việt Nhật sẽ ghi nhận thêm một khoản thu nhập khác khoảng 47,5 tỷ. Đến ngày 30 tháng 3 năm 2020 đã hoàn thành việc chuyển nhượng và Công ty Việt Nhật đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 về việc thay đổi thành viên góp vốn.

(3) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300343731, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 1 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã góp đủ số vốn góp 7.200.000.000 VND chiếm 36% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	11.792.330.506	13.942.330.408
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật	213.680.402	213.680.304
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện	11.578.650.104	13.728.650.104
Phải thu các khách hàng khác	51.910.580.746	83.730.517.450
Ban Quản lý dự án 3	2.585.004.180	4.112.004.180
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại 299	5.764.526.750	14.038.823.450
Công ty TNHH Hà Thành	9.639.725.957	7.530.592.353
Công ty TNHH MTV Kim Chất Sơn La	8.856.052.701	550.727.711
Công ty Cổ phần Kinh doanh Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị Minh Quang	1.157.425.244	4.120.155.682
Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam	1.533.311.832	10.437.529.475
Các khách hàng khác	22.374.534.082	42.940.684.599
Cộng	63.702.911.252	97.672.847.858

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng và thương mại 299	1.340.518.050	1.340.518.050
Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bến Tre	1.151.717.000	1.151.717.000
Công ty TNHH Hà Thành	1.528.034.251	1.528.034.251
Ban QLDA Nhà máy Thủy điện Sơn La	500.000.000	2.073.215.000
Cộng	<u>4.520.269.301</u>	<u>6.093.484.301</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	<u>16.617.301.990</u>	<u>14.377.147.380</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện	16.617.301.990	14.377.147.380
Trả trước cho người bán khác	<u>1.427.476.320</u>	<u>4.339.587.611</u>
Công ty CP Tư vấn & Đầu tư Xây dựng Thương mại Việt Trung	593.914.217	1.676.030.717
Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hoàng Đạt	-	1.264.031.527
Các nhà cung cấp khác	833.562.103	1.399.525.367
Cộng	<u>18.044.778.310</u>	<u>18.716.734.991</u>

5. Phải thu khác ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>4.078.668</u>	-	<u>4.078.668</u>	-
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật	4.078.668	-	4.078.668	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	<u>400.774.701</u>	-	<u>405.496.672</u>	-
Tạm ứng	327.553.603	-	334.718.147	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	73.221.098	-	70.778.525	-
Cộng	<u>404.853.369</u>	-	<u>409.575.340</u>	-

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	17.138.378.866	-	28.727.225.255	-
Công cụ, dụng cụ	2.977.768.446	-	89.366.874	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	73.151.785.210	-	80.211.374.321	-
Thành phẩm	30.808.571.575	-	16.786.840.197	-
Cộng	<u>124.076.504.097</u>	-	<u>125.814.806.647</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	35.207.761.377	32.148.204.361	6.164.353.461	466.904.957	73.987.224.156
Mua trong năm	-	389.727.273	-	-	389.727.273
Thanh lý, nhượng bán	(24.694.066.544)	(5.929.266.867)	-	-	(30.623.333.411)
Giảm khác (công cụ dụng cụ)	-	(8.302.520.670)	-	-	(8.302.520.670)
Số cuối năm	10.513.694.833	18.306.144.097	6.164.353.461	466.904.957	35.451.097.348
<i>Trong đó</i>					
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	9.692.472.579	16.500.166.477	6.116.353.461	466.904.957	32.775.897.474
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	18.508.088.898	24.975.459.008	6.131.553.461	440.424.964	50.055.526.331
Khấu hao trong năm	71.964.540	400.478.209	9.600.000	26.479.993	508.522.742
Thanh lý, nhượng bán	(8.570.167.776)	(2.525.966.972)	-	-	(11.096.134.748)
Giảm khác (công cụ dụng cụ)	-	(5.394.505.536)	-	-	(5.394.505.536)
Số cuối năm	10.009.885.662	17.455.464.709	6.141.153.461	466.904.957	34.073.408.789
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	16.699.672.479	7.172.745.353	32.800.000	26.479.993	23.931.697.825
Số cuối năm	503.809.171	850.679.388	23.200.000	-	1.377.688.559

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	14.000.000.000	225.742.000	14.225.742.000
Thanh lý, nhượng bán	(14.000.000.000)	-	(14.000.000.000)
Số cuối năm	-	225.742.000	225.742.000
<i>Trong đó</i>			
Đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	225.742.000	225.742.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.320.848.084	225.742.000	1.546.590.084
Khấu hao trong năm	272.084.806	-	272.084.806
Thanh lý, nhượng bán	(1.592.932.890)	-	(1.592.932.890)
Số cuối năm	-	225.742.000	225.742.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.679.151.916	-	12.679.151.916
Số cuối năm	-	-	-

9. Phải trả người bán**a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty CP Thương mại Sao Mai	8.569.781.368	8.569.781.368	-	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng Cơ khí Đồng Tâm	6.446.745.260	6.446.745.260	6.005.026.744	6.005.026.744
Công ty TNHH MTV Kim Chất Sơn La	3.481.042.358	3.481.042.358	-	-
Các nhà cung cấp khác	29.860.159.800	29.860.159.800	38.652.193.473	38.652.193.473
Cộng	48.357.728.786	48.357.728.786	44.657.220.217	44.657.220.217

b) Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Phải trả người bán dài hạn là các bên liên quan	4.463.515.739	4.463.515.739	4.903.869.926	4.903.869.926
Công ty cổ phần thương mại và Xây lắp Điện lực	4.463.515.739	4.463.515.739	4.903.869.926	4.903.869.926
Phải trả người bán dài hạn khác	7.319.575.019	7.319.575.019	7.352.532.019	7.352.532.019
Công ty Cổ phần công nghệ công nghiệp INTEC	7.319.575.019	7.319.575.019	7.352.532.019	7.352.532.019
Cộng	11.783.090.758	11.783.090.758	12.256.401.945	12.256.401.945

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Người mua trả tiền trước****a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	2.940.322.000	-
Công ty CP Thương mại Sao Mai	5.948.628.337	18.733.370.990
Các khách hàng khác	1.316.784.242	12.110.698.703
Cộng	<u>10.205.734.579</u>	<u>30.844.069.693</u>

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Cơ khí Thiết bị điện Hà Nội	2.201.686.000	5.301.686.000
Công ty CP Đầu tư XD & TM Hưng Hải	-	2.748.809.755
Cộng	<u>2.201.686.000</u>	<u>8.050.495.755</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.856.083.651	7.668.440.034	(1.240.981.818)	8.283.541.867
Thuế thu nhập doanh nghiệp	237.663.412	307.783.557	(236.482.962)	308.964.007
Thuế thu nhập cá nhân	172.280.457	(13.762.519)	(140.677.800)	17.840.138
Thuế tài nguyên	542.880	25.617.480	(24.658.080)	1.502.280
Tiền thuê đất	-	541.058.849	(244.410.786)	296.648.063
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	93.653.145	-	(27.418.824)	66.234.321
Cộng	<u>2.360.223.545</u>	<u>8.532.137.401</u>	<u>(1.917.630.270)</u>	<u>8.974.730.676</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 3%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	183.322.878	757.188.395
Cộng	183.322.878	757.188.395

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>480.000.000</i>	<i>150.000.000</i>
Ông Lê Minh Hải	480.000.000	150.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>2.975.107.844</i>	<i>2.253.168.944</i>
Kinh phí công đoàn	890.705.421	822.804.932
Bảo hiểm xã hội	878.268.945	152.233.076
Bảo hiểm y tế	625.455.261	331.011.351
Bảo hiểm thất nghiệp	278.589.124	151.620.216
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	302.089.093	795.499.369
Cộng	3.455.107.844	2.403.168.944

14. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	77.826.008.377	77.826.008.377	134.452.455.238	134.452.455.238
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương(1)	51.795.017.164	51.795.017.164	81.174.557.367	81.174.557.367
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)	26.030.991.213	26.030.991.213	53.277.897.871	53.277.897.871
Vay ngắn hạn các cá nhân	15.647.279.800	15.647.279.800	10.295.000.000	10.295.000.000
Cộng	93.473.288.177	93.473.288.177	144.747.455.238	144.747.455.238

(1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT128-PEC ký ngày 02 tháng 8 năm 2019. Tổng hạn mức tín dụng cho vay là : 54.740.000.000 VND. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT128-PEC ký ngày 16 tháng 4 năm 2018. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 02 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 7 năm 2019. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng khối ước nhận nợ. Khoản vay trên được đảm bảo bởi các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp Quyền đòi nợ số: 01-2012/CKDL/HĐTCTS ngày 20/11/2012 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2013-HĐTC/NHCT128-CKĐL ký ngày 12 tháng 8 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 04/2013-HĐTC/NHCT128-CKĐL ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 05-2013/HĐTC/128-PEC/HUOI QUANG ngày 13 tháng 11 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2016/HĐTC/128-PEC/THANHSON ngày 18 tháng 01 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 02-2016/HĐTC/128-PEC/SONGLO 4 ngày 01 tháng 02 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 03-2016/HĐTC/128-PEC/HUOIVANG ngày 06 tháng 07 năm 2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2013-HĐTC/128-PEC ngày 11 tháng 10 năm 2013 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2009-HĐTC/CD/PEC ngày 15 tháng 12 năm 2009 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2015/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 17 tháng 4 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2018/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 05 tháng 10 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 03/2018/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 07 tháng 11 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2018/HĐTCQTS/NHCT128-PEC ngày 05 tháng 01 năm 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01/2019/HĐTC/NHCT128-PEC ngày 02 tháng 4 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 02/2019/HĐBĐ/NHCT128-PEC ngày 29 tháng 03 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;
- Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số: 01-2015/2019/HĐTC/NHCT128-PEC/SONGLO4 ngày 3 tháng 11 năm 2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp này;

(2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi nhánh tại Hà Nội theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2018/CVHM/VCBHN-CKĐL ký ngày 15 tháng 6 năm 2018 và phụ lục hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01 ký ngày 14 tháng 6 năm 2019. Hạn mức cho vay 55.000.000.000 VND, thời hạn cho vay theo phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01 ký ngày 14 tháng 6 năm 2019 từ ngày 14 tháng 6 năm 2019 đến hết ngày 15 tháng 9 năm 2019. Lãi suất cho vay được quy định cụ thể theo từng khế ước vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	134.452.455.238	120.703.578.452	(177.330.025.313)	77.826.008.377
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	10.295.000.000	20.208.519.800	(14.856.240.000)	15.647.279.800
Cộng	144.747.455.238	140.912.098.252	(192.186.265.313)	93.473.288.177

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn các tổ chức khác	500.000.000	500.000.000	7.990.000.000	7.990.000.000
Cộng	500.000.000	500.000.000	7.990.000.000	7.990.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn các tổ chức khác	7.990.000.000	-	(7.490.000.000)	500.000.000
Cộng	7.990.000.000	-	(7.490.000.000)	500.000.000

15. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	6.116.809.402	63.283.392.743
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	330.082.803	330.082.803
Số dư cuối năm trước	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	6.446.892.205	63.613.475.546
Số dư đầu năm nay	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	6.446.892.205	63.613.475.546
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.068.298.923	1.068.298.923
Số dư cuối năm	31.154.090.000	8.036.263.497	17.976.229.844	7.515.191.128	64.681.774.469

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.115.409	3.115.409
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.115.409	3.115.409
- Cổ phiếu phổ thông	3.115.409	3.115.409
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.115.409	3.115.409
- Cổ phiếu phổ thông	3.115.409	3.115.409

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán
a, Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	265,23	265,23
Euro (EUR)	202,42	202,42

b, Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nợ khó đòi đã xử lý	5.140.000.000	-
Cộng	<u>5.140.000.000</u>	<u>-</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	51.991.275.253	106.174.163.724
Doanh thu bán thành phẩm	101.418.289.558	55.797.765.053
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.416.515.213	62.179.797.465
Cộng	<u>170.826.080.024</u>	<u>224.151.726.242</u>

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật	361.816	779.620.209
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	-	292.200.909
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực	-	60.000.000
Cộng	<u>361.816</u>	<u>1.131.821.118</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	52.548.784.956	77.979.713.720
Giá vốn của thành phẩm đã bán	83.276.061.413	55.071.312.957
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.171.579.891	62.581.020.269
Cộng	<u>154.996.426.260</u>	<u>195.632.046.946</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	169.134.212	267.781.880
Cổ tức, lợi nhuận được chia	120.500.000	204.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	19.892
Cộng	<u>289.634.212</u>	<u>471.801.772</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	8.537.097.198	12.699.600.021
Lãi mua hàng trả chậm	40.582.060	269.324.902
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	26.988.101
Lỗi chuyển nhượng công ty con	-	3.840.000.000
Dự phòng tổn thất đầu tư	7.290.221.948	-
Cộng	<u>15.867.901.206</u>	<u>16.835.913.024</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	-	440.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.156.400	207.000.000
Các chi phí khác	93.055.000	455.758.100
Cộng	<u>207.211.400</u>	<u>663.198.100</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.836.277.602	7.383.025.988
Chi phí vật liệu quản lý	63.901.353	27.648.395
Chi phí đồ dùng văn phòng	48.574.417	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.047.650	100.032.340
Thuế, phí và lệ phí	569.676.329	573.318.854
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(8.834.550.738)	(1.122.013.045)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	779.848.915	1.733.248.501
Các chi phí khác	1.368.600.041	1.928.541.930
Cộng	<u>(70.624.431)</u>	<u>10.623.802.963</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	6.626.497.842	-
Thu nhập khác	53.863.199	94.302.198
Cộng	<u>6.680.361.041</u>	<u>94.302.198</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	273.535.305	164.281.574
Xóa nợ khó đòi	5.140.000.000	-
Phạt vi phạm hợp đồng	5.400.000	-
Chi phí khác	143.057	143.055.850
Cộng	<u>5.419.078.362</u>	<u>307.337.424</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.376.082.480	655.531.755
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	162.835.305	96.841.626
- Các khoản điều chỉnh tăng	283.335.305	300.841.626
<i>Phạt thuế, truy thu thuế</i>	273.535.305	-
<i>Chi phí ứng hộ</i>	9.800.000	-
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	-	300.841.626
- Các khoản điều chỉnh giảm	(120.500.000)	(204.000.000)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(120.500.000)	(204.000.000)
Thu nhập tính thuế	1.538.917.785	752.373.381
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	20%	20%
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	174.974.276
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>307.783.557</u>	<u>325.448.952</u>

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.068.298.923	330.082.803
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.068.298.923	330.082.803
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	3.115.409	3.115.409
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>343</u>	<u>106</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.115.409	3.115.409
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành tăng thêm từ lợi nhuận	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>3.115.409</u>	<u>3.115.409</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi sản xuất theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.954.925.111	123.958.737.771
Chi phí nhân công	11.875.625.441	18.031.489.327
Chi phí khấu hao tài sản cố định	780.607.548	821.957.120
Thuế, phí và lệ phí	569.676.329	573.318.854
Chi phí trích lập dự phòng	(8.834.550.738)	(1.122.013.045)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.537.020.328	23.905.872.632
Chi phí khác	1.526.479.552	6.965.866.005
Cộng	<u>109.409.783.571</u>	<u>173.135.228.664</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù trừ công nợ bán tài sản với công nợ phải trả	1.259.332.800	-
Bù trừ cổ tức lợi nhuận được chia với công nợ phải trả	120.500.000	-
Chuyển công nợ sang vay	330.000.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

A, Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Nguyễn Doãn Bình		
Tạm ứng	83.900.000	42.772.251
Hoàn tạm ứng	83.900.000	49.798.245
Ông Lê Minh Hải		
Phải trả tiền vay	330.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các thành viên quản lý là chủ chốt và các cá nhân liên quan được thuyết minh ở mục V.13.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.030.828.916	1.321.351.684
Cộng	<u>1.030.828.916</u>	<u>1.321.351.684</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

B, Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực

Công ty liên doanh,
liên kết

Công ty TNHH Hệ thống điện Việt Nhật

Công ty liên doanh,
liên kết; Chủ tịch
HĐQT là người đại
diện pháp luật

Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện

Công ty liên doanh,
liên kết

Các nghiệp vụ chính phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Lực		
Phải thu tiền bán hàng	-	66.000.000
Phải thu cổ tức	120.500.000	204.000.000
Thu tiền bán hàng	-	66.000.000
Phải trả tiền mua hàng, dịch vụ	130.790.000	1.039.148.100
Trả tiền mua hàng	450.644.187	540.681.600
Bù trừ tiền hàng với cổ tức được nhận	120.500.000	-
Công ty TNHH chế tạo thiết bị điện và thương mại Việt Nhật		
Phải thu về bán hàng	397.998	857.582.230
Thu tiền bán hàng	-	915.637.830
Trả tiền mua hàng	397.998	60.094.100
Công ty Cổ phần Cơ khí và xây dựng Nguồn Điện		
Phải thu tiền bán hàng	-	321.420.000
Thu tiền bán hàng	2.150.000.000	9.622.669
Phải trả tiền mua hàng	5.551.500.290	6.026.791.786
Trả tiền mua hàng	7.791.654.900	10.733.499.164

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.3a; V.4; V.5; V.9b;

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cung cấp hàng hóa
- Lĩnh vực bán thành phẩm
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực cung cấp hàng hóa	Lĩnh vực bán thành phẩm	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	51.991.275.253	101.418.289.558	17.416.515.213	170.826.080.024
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.991.275.253	101.418.289.558	17.416.515.213	170.826.080.024
Chi phí bộ phận	(52.548.784.956)	(83.276.061.413)	(19.171.579.891)	(154.996.426.260)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(557.509.703)	18.142.228.145	(1.755.064.678)	15.829.653.764
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(136.586.969)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				15.693.066.795
Doanh thu hoạt động tài chính				289.634.212
Chi phí tài chính				(15.867.901.206)
Thu nhập khác				6.680.361.041
Chi phí khác				(5.419.078.362)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(307.783.557)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				1.068.298.923
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	17.000.000	389.727.273	-	406.727.273
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	177.852.336	658.018.145	60.169.415	896.039.896

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

A, Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

B, Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của

Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	93.973.288.177	-	-	93.973.288.177
Phải trả người bán	48.357.728.786	11.783.090.758	-	60.140.819.544
Các khoản phải trả khác	4.519.615.349	-	-	4.519.615.349
Cộng	146.850.632.312	11.783.090.758	-	158.633.723.070
Số đầu năm				
Vay và nợ	144.747.455.238	7.990.000.000	-	152.737.455.238
Phải trả người bán	44.657.220.217	12.256.401.945	-	56.913.622.162
Các khoản phải trả khác	4.668.735.317	-	-	4.668.735.317
Cộng	194.073.410.772	20.246.401.945	-	214.319.812.717

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

C, Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.264.595	838.900.577	194.264.595	838.900.577
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	6.738.350.235	3.000.000.000	6.738.350.235
Phải thu khách hàng	67.096.667.584	93.805.268.452	67.096.667.584	93.805.268.452
Các khoản phải thu khác	404.853.369	409.575.340	404.853.369	409.575.340
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	32.059.298.052	39.349.520.000	32.059.298.052	39.349.520.000
Cộng	102.755.083.600	141.141.614.604	102.755.083.600	141.141.614.604
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	93.973.288.177	152.737.455.238	93.973.288.177	152.737.455.238
Phải trả người bán	60.140.819.544	56.913.622.162	60.140.819.544	56.913.622.162
Các khoản phải trả khác	4.519.615.349	4.668.735.317	4.519.615.349	4.668.735.317
Cộng	158.633.723.070	214.319.812.717	158.633.723.070	214.319.812.717

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán TTP.

Một số chỉ tiêu trên so sánh Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính được phân loại lại như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu Sau điều chỉnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	24.252.429.747	(6.220.500.000)	18.031.929.747
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	6.220.500.000	6.220.500.000

Lập ngày 15 tháng 05 năm 2020

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Thị Huệ

Ngô Thị Huệ

Lê Minh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC

Địa chỉ: Số 150 đường Hà Huy Tập, thị trấn Yên Viên, Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP phụ gia bê tông Phả Lại	Quá hạn trên 3 năm	150.000.000	150.000.000	Quá hạn trên 3 năm	3.050.000.000	3.050.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biên	Đã thu hồi nợ	-	-	Quá hạn từ 2-3 năm	507.143.016	355.000.112
Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại Hoàng Tú	Quá hạn trên 3 năm	544.468.000	544.468.000	Quá hạn trên 3 năm	1.345.278.000	963.814.600
Công ty cổ phần phát triển công nghiệp DIC	Quá hạn trên 3 năm	20.009.778	20.009.778	Quá hạn trên 3 năm	408.639.778	408.639.778
Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh thép Tân Hưng	Quá hạn trên 3 năm	156.554.908	156.554.908	Quá hạn trên 3 năm	156.554.908	-
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại và sản xuất Hà An	Quá hạn trên 3 năm	81.000.000	81.000.000	Quá hạn trên 3 năm	81.000.000	-
TP Consulting & Technology	Quá hạn từ 1-2 năm	348.960.568	174.480.283	Quá hạn từ dưới 1 năm	348.960.568	-
Công ty Cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam	Đã thu hồi hết nợ quá hạn	1.533.311.832	-	Quá hạn từ 1-2 năm	10.437.529.475	4.573.995.549
Công ty TNHH MTV SX & TM TERRA WOOD Việt Nam	Đã thu hồi nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	272.760.400	272.760.400
Công ty CP cơ khí & XD số 10 Thăng Long	Đã thu hồi nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	181.189.485	181.189.485
Công ty TNHH Nhiên liệu sạch	Đã thu hồi nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	87.557.500	87.557.500
Công ty CP Xây dựng số 9.1	Đã thu hồi nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	45.343.232	45.343.232
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Phà Rừng	Đã thu hồi nợ	-	-	Quá hạn trên 3 năm	22.763.052	22.763.051
Cộng		2.834.305.086	1.126.512.969		16.944.719.414	9.961.063.707

